

Số: 191/2020/QĐST-HNGĐ

Thủy Nguyên, ngày 14 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 759/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa:

Chị L, sinh năm 1972; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5D1 Tập thể TN, huyện V, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 104 Nhà C Bộ T Vùng 1 H, xã Đ, huyện TN, thành phố Hải Phòng và anh A, sinh năm 1974; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bộ T Vùng 1 H ở xã D, huyện TN, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 104 Nhà C Bộ T Vùng 1 H, xã Đ, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh A thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị L trực tiếp nuôi con chung tên P, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh A trực tiếp nuôi con chung tên M, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2002 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung: Chị L và anh A thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng để hai bên tự thoả thuận phân chia. Nếu không tự thoả thuận phân chia được sẽ yêu cầu Toà án giải quyết sau.

Về án phí: Chị L nhận nộp cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003032 ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 10.660.000 đồng (Mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003129 ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiền

